

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Báo cáo tài chính đã được soát xét
cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	9 – 30

35/2
Y
H
N
AM
CH

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Domenal (sau đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020.

1. Công ty

Công ty Cổ phần Domenal (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400641835 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 03 năm 2008 và được thay đổi lần thứ 17 ngày 20 tháng 01 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Trụ sở chính và nhà máy:

- Địa chỉ : Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.
- Điện thoại : 0277 3 890 711
- Fax : 0277 3 890 717

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất dùng trong nông nghiệp;
- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm (chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.);
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu phân bón, các loại hóa chất.);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa.

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh thức ăn cho thủy sản; bán buôn thuốc bảo vệ thực vật.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Võ Đình Ân	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Hà	Thành viên
Ông Võ Đình Hải	Thành viên

Ban Kiểm soát

Họ và Tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Ngọc Yến	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên
Bà Trần Thuý Vân	Thành viên

Tổng Giám đốc

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Thanh Hà	Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và Tên

Chức vụ

Ông Nguyễn Thanh Hà

Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 và tình hình tài chính vào cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc Công ty phải:

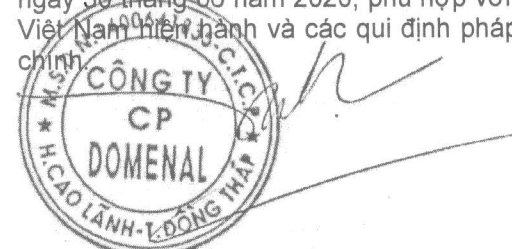
- Chọn lựa phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Công bố các báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc Công ty công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Ông NGUYỄN THANH HÀ

Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 10 tháng 08 năm 2020



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

Số: 157/2020/BCSX-HCM.00247



Accountants &
business advisers

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý cổ đông**
Các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám Đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ Phần Domenal (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 08 năm 2020, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính cho kỳ tài chính 06 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính cho kỳ tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Như được trình bày tại mục 5.3 và mục 5.5 của Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty chưa trích lập dự phòng các khoản Phải thu ngắn hạn khách hàng và Phải thu ngắn hạn khác quá hạn chưa thanh toán, dẫn đến khoản mục "Các khoản phải thu ngắn hạn" (Mã số 130) trên Bảng cân đối kế toán đang được phản ánh theo giá gốc thay vì phản ánh theo giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Việc ghi nhận như vậy là không tuân thủ Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Các tài liệu tại Công ty cho thấy, nếu phản ánh theo giá trị thuần có thể thu hồi được thì khoản mục "Các khoản phải thu ngắn hạn" (Mã số 130) trên Bảng cân đối kế toán tại thời điểm lập sẽ giảm đi 34.691.443.427 VND. Đồng thời trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" (Mã số 26) sẽ tăng thêm 34.691.443.427 VND, và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" (Mã số 60) cũng sẽ giảm đi một khoản tương ứng.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



TRANG ĐẮC NHA
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2020

NGUYỄN THỊ THANH MINH
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0068-2018-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		277.770.772.560	277.260.170.591
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		365.357.255	5.150.683.053
Tiền	111	5.1	365.357.255	5.150.683.053
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	420.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	-	420.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		262.096.084.002	247.084.915.769
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	206.026.690.581	173.349.978.238
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	45.558.088.110	45.035.873.960
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	10.511.305.311	28.699.063.571
Hàng tồn kho	140		13.359.036.614	22.608.943.776
Hàng tồn kho	141	5.6	13.359.036.614	22.608.943.776
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.950.294.689	1.995.627.993
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	86.653.759	131.987.063
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.863.640.930	1.863.640.930
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		77.956.922.336	76.777.054.966
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		45.288.342.287	44.372.909.049
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	34.754.507.122	33.839.073.884
Nguyên giá	222		84.597.547.821	81.297.547.821
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(49.843.040.699)	(47.458.473.937)
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	10.533.835.165	10.533.835.165
Nguyên giá	228		10.563.835.165	10.563.835.165
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(30.000.000)	(30.000.000)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	29.820.000.000	29.400.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		29.400.000.000	29.400.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		420.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		2.848.580.049	3.004.145.917
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	2.848.580.049	3.004.145.917
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		355.727.694.896	354.037.225.557

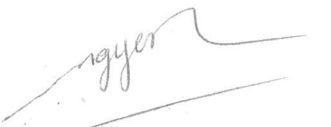
CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

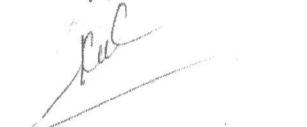
Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
NGUỒN VỐN	300		222.452.450.116	212.437.007.228
Nợ ngắn hạn	310		222.452.450.116	212.437.007.228
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	21.954.955.599	23.018.570.448
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	4.848.768.086	4.955.342.473
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	1.204.174.576	1.748.469.676
Phải trả người lao động	314		336.280.618	638.385.605
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	-	356.433.702
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	14.108.963.185	1.725.347.732
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	179.999.308.052	179.994.457.592
Nợ dài hạn	330		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		133.275.244.780	141.600.218.329
Vốn chủ sở hữu	410	5.16	133.275.244.780	141.600.218.329
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		125.000.000.000	125.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>125.000.000.000</i>	<i>125.000.000.000</i>
Quỹ đầu tư phát triển	418		799.603.018	799.603.018
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.475.641.762	15.800.615.311
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>3.300.615.311</i>	<i>3.797.513.056</i>
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>4.175.026.451</i>	<i>12.003.102.255</i>
Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		355.727.694.896	354.037.225.557


NGUYỄN NGỌC YẾN
 Người lập biểu


NGUYỄN THỊ KIỀU
 Kế toán trưởng


NGUYỄN THÀNH HÀ
 Tổng giám đốc
 Đồng Tháp, ngày 10 tháng 08 năm 2020

YẾN / 5/2020
 KH

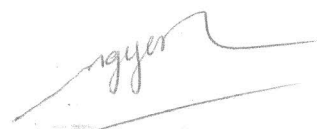
CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

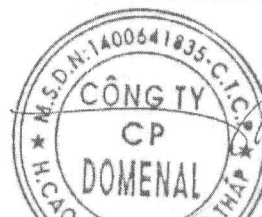
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		205.442.466.890	312.918.048.277
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.127.200.000	717.000.000
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	204.315.266.890	312.201.048.277
Giá vốn hàng bán	11	6.2	193.981.522.699	300.730.596.744
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.333.744.191	11.470.451.533
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.125.775.010	1.367.372.253
Chi phí tài chính	22	6.4	5.657.682.024	5.912.531.298
- Trong đó, chi phí lãi vay	23		5.649.677.709	5.912.531.298
Chi phí bán hàng	25	6.5	234.488.096	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	1.543.602.206	4.269.921.825
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.023.746.875	2.655.370.663
Thu nhập khác	31	6.7	2.947.516	67.500.000
Chi phí khác	32	6.8	-	21.432.852
Lợi nhuận/ (lỗ) khác	40		2.947.516	46.067.148
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.026.694.391	2.701.437.811
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.12	851.667.940	697.319.091
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.175.026.451	2.004.118.720
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	334	160


NGUYỄN NGỌC YẾN
 Người lập biểu


NGUYỄN THỊ KIỀU
 Kế toán trưởng


NGUYỄN THANH HÀ
 Tổng giám đốc
 Đồng Tháp, ngày 10 tháng 08 năm 2020

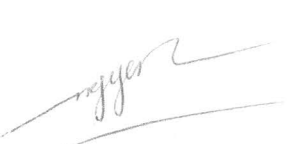
CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

	Mã số	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
Lợi nhuận trước thuế	01	5.026.694.391	2.701.437.811
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.384.566.762	2.622.014.586
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03	-	-
(Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(3.464)	-
(Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(554.857)	(420.097)
Chi phí lãi vay	06	5.649.677.709	5.583.254.146
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	13.060.380.541	10.906.286.446
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09	(15.011.168.233)	(11.332.881.235)
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10	9.249.907.162	6.816.141.751
Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(2.075.348.709)	(1.809.001.018)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	200.899.172	(215.598.125)
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(5.433.404.512)	(5.583.254.146)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.400.000.000)	(433.446.888)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20	(1.408.734.579)	(1.651.753.215)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(3.300.000.000)	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	2.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	554.857	420.097
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.299.445.143)	2.000.420.097
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	182.745.938.575	219.007.470.687
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(182.741.088.115)	(219.000.586.447)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(82.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(77.149.540)	6.884.240
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỶ	50	(4.785.329.262)	355.551.122
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỶ	60	5.150.683.053	30.911.165
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quý đối ngoại tệ	61	3.464	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỶ	70	365.357.255	386.462.287


NGUYỄN NGỌC YẾN
 Người lập biểu


NGUYỄN THỊ KIỀU
 Kế toán trưởng


NGUYỄN THANH HÀ
 Tổng giám đốc
 Đồng Tháp, ngày 10 tháng 08 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Domenal (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400641835 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 03 năm 2008 và được thay đổi lần thứ 17 ngày 20 tháng 01 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh thức ăn cho thủy sản; bán buôn thuốc bảo vệ thực vật.

1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Trong năm, Công ty có 01 công ty liên kết được chi tiết như sau:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty Cổ phần Thủy sản Trường Phát	Lô 6A, đường Trục Chính, Khu công nghiệp Trà Nóc 1, Quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	49%	49%	49%

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính của kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, tổng số nhân viên của Công ty là 65 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 66 người).

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND). Do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

1/1 TC XLS / 1/1

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định hữu hình. Những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	09 – 25
Máy móc và thiết bị	04 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị văn phòng	04
Tài sản cố định khác	04

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,.... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.13 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động.

4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.



CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

4.15 Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 15% lợi nhuận thu được trong 12 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh; thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng thuế suất phổ thông (20%) cho thời gian còn lại.
- Doanh nghiệp được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.17 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.18 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan.

Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm

4.19 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý

Công ty sau đây được xem là các bên liên quan:

Công ty	Quan hệ
Công ty Cổ phần Thủy Sản Trường Phát	Công ty liên kết

Các cá nhân được xem là các bên có liên quan: các nhân sự chủ chốt của Công ty (gồm các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc).

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	33.849.361	9.121.620
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
- VND	326.169.948	5.136.226.951
- USD	5.337.946	5.334.482
	365.357.255	5.150.683.053

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 30 tháng 06 năm 2020:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng - USD	230,88	5.337.946

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Dài hạn				
Trái phiếu ngân hàng BIDV	420.000.000	420.000.000	420.000.000	420.000.000
	420.000.000	420.000.000	420.000.000	420.000.000

5.2.2 Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

	30/06/2020			01/01/2020		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Thủy Sản Trường Phát (*)	29.400.000.000	-	(**)	29.400.000.000	-	(**)
	29.400.000.000	-	(**)	29.400.000.000	-	(**)

(*) Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy Sản Trường Phát, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam với số lượng là 2.940.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/Cổ phần, giá trị của khoản đầu tư là 29.400.000.000 VND để nắm giữ 49% vốn điều lệ của công ty này. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Thủy Sản Trường Phát là: Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

(**) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Thủy Sản Trường Phát	11.278.839.364	23.675.822.259
Các tổ chức và cá nhân khác		
Ông Nguyễn Lê Duy Linh	64.324.944.200	54.945.264.200
Ông Nguyễn Văn Hồng	25.619.587.937	16.599.964.048
Ông Nguyễn Văn Mừng	20.421.201.759	-
Các khách hàng khác (*)	84.382.117.321	78.128.927.731
	206.026.690.581	173.349.978.238

(*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, khoản phải thu khách hàng quá hạn thanh toán chưa được lập dự phòng với số tiền ước tính là 31.938.076.533 VND.

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Các tổ chức khác		
Ông Nguyễn Chí Nghĩa	30.600.000.000	30.600.000.000
Ông Nguyễn Văn Viễn	6.500.000.000	6.500.000.000
Các nhà cung cấp khác	8.458.088.110	7.935.873.960
	45.558.088.110	45.035.873.960

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Phải thu từ các cổ đông Công ty (*)	7.706.507.917	-	25.895.066.177	-
Tạm ứng án phí	44.430.500	-	44.130.500	-
Phải thu khác (**)	2.753.366.894	-	2.753.366.894	-
Tạm ứng nhân viên	7.000.000	-	6.500.000	-
	10.511.305.311	-	28.699.063.571	-

(*) Đây là khoản nợ phải thu đang chờ xử lý về bán hàng hoá cho các cổ đông của Công ty, các cổ đông này đã thế chấp cổ phiếu cho Công ty để đảm bảo thanh toán các khoản nợ này.

(**) Đây là khoản phát sinh từ trước năm 2013. Hiện tại Công ty không còn đủ hồ sơ và chứng từ hỗ trợ để thu hồi khoản công nợ này, tại ngày 30/06/2020 Công ty chưa trích lập dự phòng cho khoản công nợ này.

5.6 Hàng tồn kho

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	11.889.166.186	-	16.471.203.258	-
Công cụ, dụng cụ	949.549.311	-	803.532.613	-
Thành phẩm	520.321.117	-	5.334.207.905	-
	13.359.036.614	-	22.608.943.776	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí sửa chữa	4.075.005	118.827.048
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	82.578.754	13.160.015
	<u>86.653.759</u>	<u>131.987.063</u>

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí sửa chữa, xây dựng	2.457.959.267	2.593.468.661
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	390.620.782	410.677.253
	<u>2.848.580.049</u>	<u>3.004.145.917</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL
 Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

5.8 **Tình hình tăng/giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2020	58.319.083.985	17.580.938.940	3.841.081.696	956.443.200	600.000.000	81.297.547.821
Tăng trong kỳ	-	3.300.000.000	-	-	-	3.300.000.000
Tại ngày 30/06/2020	58.319.083.985	20.880.938.940	3.841.081.696	956.443.200	600.000.000	84.597.547.821
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2020	28.873.184.789	13.715.783.459	3.313.062.489	956.443.200	600.000.000	47.458.473.937
Khấu hao trong kỳ	1.428.445.776	806.109.556	150.011.430	-	-	2.384.566.762
Tại ngày 30/06/2020	30.301.630.565	14.521.893.015	3.463.073.919	956.443.200	600.000.000	49.843.040.699
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2020	29.445.899.196	3.865.155.481	528.019.207	-	-	33.839.073.884
Tại ngày 30/06/2020	28.017.453.420	6.359.045.925	378.007.777	-	-	34.754.507.122

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2020	-	1.882.387.940	2.007.226.169	956.443.200	600.000.000	5.446.057.309
Tại ngày 30/06/2020	-	1.882.387.940	2.007.226.169	956.443.200	600.000.000	5.446.057.309

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, tài sản cố định hữu hình bao gồm nhà cửa vật kiến trúc được thế chấp tại Ngân hàng BIDV để đảm bảo cho các khoản vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01.1/2015/8149071/HĐBĐ ngày 16 tháng 12 năm 2015 với giá trị còn lại là 34.754.507.122 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 33.839.073.884 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

5.9 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2020	10.533.835.165	30.000.000	10.563.835.165
Tại ngày 30/06/2020	10.533.835.165	30.000.000	10.563.835.165
Giá trị hao mòn			
Tại ngày 01/01/2020	-	30.000.000	30.000.000
Tại ngày 30/06/2020	-	30.000.000	30.000.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2020	10.533.835.165	-	10.533.835.165
Tại ngày 30/06/2020	10.533.835.165	-	10.533.835.165

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2020	-	30.000.000	30.000.000
Tại ngày 30/06/2020	-	30.000.000	30.000.000

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 tài sản cố định vô hình được thế chấp tại Ngân hàng BIDV để đảm bảo cho các khoản vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01.1/2015/8149071/HĐBĐ ngày 16 tháng 12 năm 2015 với giá trị còn lại là 10.533.835.165 VND.

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Các tổ chức và cá nhân khác		
Công ty TNHH Richcom	3.808.560.000	402.276.700
Lý Thanh Sang	3.222.788.000	-
Công Ty TNHH XNK Minh Trang Sài Gòn	2.252.333.700	3.222.788.000
Các nhà cung cấp khác	12.671.273.899	19.393.505.748
	21.954.955.599	23.018.570.448

5.11 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Các tổ chức và cá nhân khác		
Công Ty TNHH BINCA	536.612.999	836.756.362
Ông Nguyễn Phước Tài	3.798.809.552	633.667.397
Ông Phạm Phú Cường	510.345.535	-
Các khách hàng khác	3.000.000	3.484.918.714
	4.848.768.086	4.955.342.473

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

5.12 Thuế và các khoản phải nộp

	01/01/2020	Số phát sinh trong kỳ		30/06/2020
	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.748.107.806	851.667.940	(1.400.000.000)	1.199.775.746
Thuế thu nhập cá nhân	156.750	14.409.026	(10.429.026)	4.136.750
Thuế tài nguyên	205.120	1.882.430	(1.825.470)	262.080
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	1.748.469.676	870.959.396	(1.415.254.496)	1.204.174.576

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp "TNDN"

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 51121000031 ngày 08 tháng 05 năm 2008 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - > Thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 15% lợi nhuận thu được trong 12 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh; thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng thuế suất phổ thông (20%) cho thời gian còn lại.
 - > Doanh nghiệp được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo.
- Sau thời gian ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% cho các năm tiếp theo.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.026.694.391	2.701.437.811
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	-	6.596.150.074
Các khoản điều chỉnh giảm	(3.464)	
Thu nhập tính thuế	5.026.690.927	9.297.587.885
Trong đó:		
- Thu nhập chịu thuế suất 15%	3.073.404.919	9.297.587.885
- Thu nhập chịu thuế suất 20%	1.953.286.008	
Thuế TNDN được miễn, giảm	-	697.319.091
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	851.667.940	697.319.091

Các loại thuế khác:

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

044
ON
NH
M
VI
TP

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí lãi vay	-	216.273.197
Tiền điện	-	140.160.505
	<u>-</u>	<u>356.433.702</u>

5.14 Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải trả cho bên liên quan		
Phải trả Ông Võ Đình Hải – Tiền mượn	1.387.589.245	1.517.264.942
Phải trả cho các tổ chức và cá nhân khác		
Phải trả cổ tức cho cổ đông	12.418.000.000	-
Kinh phí công đoàn	168.915.790	154.082.790
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	62.458.150	-
Phải trả các đối tượng khác	72.000.000	54.000.000
	<u>14.108.963.185</u>	<u>1.725.347.732</u>

5.15 Vay ngắn hạn

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác				
Vay Ngân hàng Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bà Chiểu	179.999.308.052	179.999.308.052	179.994.457.592	179.994.457.592
	<u>179.999.308.052</u>	<u>179.999.308.052</u>	<u>179.994.457.592</u>	<u>179.994.457.592</u>

Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bà Chiểu theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/8149071/HĐTD ngày 31/10/2019, chi tiết như sau:

Mục đích vay	: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C.
Thời hạn vay	: 12 tháng từ ngày 31/10/2019.
Lãi suất vay	: Lãi suất được áp dụng theo từng giấy nhận nợ từ 6,5%/năm đến 7,9%/năm.
Hình thức đảm bảo	: Đảm bảo bằng bất động sản và các tài sản BIDV chấp thuận xem thêm mục 5.8 và 5.9.
Dư nợ ngày 30/06/2020	: 179.999.308.052 VND

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	01/01/2020 VND	Số tiền vay phát sinh trong kỳ VND	Số tiền vay đã trả trong kỳ VND	30/06/2020 VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	179.994.457.592	182.745.938.575	(182.741.088.115)	179.999.308.052
	<u>179.994.457.592</u>	<u>182.745.938.575</u>	<u>(182.741.088.115)</u>	<u>179.999.308.052</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

5.16 Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư 01/01/2019	125.000.000.000	799.603.018	3.797.513.056	129.597.116.074
Lỗi trong năm	-	-	12.003.102.255	12.003.102.255
Số dư 31/12/2019	<u>125.000.000.000</u>	<u>799.603.018</u>	<u>15.800.615.311</u>	<u>141.600.218.329</u>
Số dư 01/01/2020	125.000.000.000	799.603.018	15.800.615.311	141.600.218.329
Lãi trong kỳ	-	-	4.175.026.451	4.175.026.451
Chia lợi nhuận	-	-	(12.500.000.000)	(12.500.000.000)
Số dư 30/06/2020	<u>125.000.000.000</u>	<u>799.603.018</u>	<u>7.475.641.762</u>	<u>133.275.244.780</u>

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400641835 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 03 năm 2008 và được thay đổi lần thứ 17 ngày 20 tháng 01 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 125.000.000.000 VND. Đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	30/06/2020		01/01/2020	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Ông Võ Đình Ân	38.573.000.000	31%	30.573.000.000	24%
Ông Võ Đình Hải	16.990.200.000	14%	16.990.200.000	14%
Các cổ đông khác (*)	69.436.800.000	56%	77.436.800.000	62%
	<u>125.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>125.000.000.000</u>	<u>100%</u>

(*) Trong đó, số lượng cổ phiếu có giá trị 19.587.400.000 VND đã được các cổ đông thế chấp cho Công ty để đảm bảo các khoản nợ - xem thêm mục 5.5.

Cổ phiếu

	30/06/2020	31/12/2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.500.000	12.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	12.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	12.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

5.17 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

	30/06/2020	01/01/2020
Đô la Mỹ (USD)	230,88	230,88

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa	5.460.807.750	132.255.554.500
Doanh thu bán thành phẩm	199.189.019.140	176.941.166.516
Doanh thu gia công	792.640.000	3.721.327.261
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	(1.127.200.000)	(717.000.000)
Doanh thu thuần	204.315.266.890	312.201.048.277

6.2 Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 VND
Giá vốn bán hàng hóa	188.600.638.037	167.535.384.494
Giá vốn bán thành phẩm	5.380.884.662	133.195.212.250
	193.981.522.699	300.730.596.744

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 VND
Lãi tiền gửi	554.857	420.097
Lãi bán hàng trả chậm	2.125.216.689	1.366.952.156
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục có số dư ngoại tệ cuối kỳ	3.464	-
	2.125.775.010	1.367.372.253

6.4 Chi phí tài chính

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 VND
Chi phí lãi vay	5.649.677.709	5.912.531.298
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong kỳ	8.004.315	-
	5.657.682.024	5.912.531.298

6.5 Chi phí bán hàng

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	234.488.096	-
	234.488.096	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	403.068.542	391.509.306
Chi phí khấu hao	122.772.924	197.382.696
Chi phí xử lý công nợ	-	3.172.640.330
Chi phí bảo hiểm	100.442.000	108.604.320
Chi phí luật sư	308.363.000	53.350.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	608.955.740	346.435.173
	1.543.602.206	4.269.921.825

6.7 Thu nhập khác

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 VND
Phí kiểm kháng sinh	-	67.500.000
Thu nhập khác	2.947.516	-
	2.947.516	67.500.000

6.8 Chi phí khác

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 VND
Lãi chậm thanh toán	-	5.928.820
Tiền án phí	-	15.504.032
	-	21.432.852

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.175.026.451	2.004.118.720
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.175.026.451	2.004.118.720
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	12.500.000	12.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	334	160

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

6.10 Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu	180.464.065.051	258.994.655.035
Chi phí nhân viên	2.711.938.704	3.235.443.113
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.384.566.762	2.522.014.586
Chi phí dịch vụ mua ngoài	514.435.966	6.123.362.673
Chi phí bằng tiền khác	6.519.823.115	12.953.616.436
	192.594.829.598	283.829.091.843

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**7.1 Tiền thu từ đi vay**

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	182.745.938.575	219.007.470.687
	182.745.938.575	219.007.470.687

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	182.741.088.115	219.000.586.447
	182.741.088.115	219.000.586.447

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Ngoài ra, nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên.

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

144

145

146

147

148

149

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Hội đồng quản trị cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 30 tháng 06 năm 2020			
Các khoản vay và nợ	179.999.308.052	-	179.999.308.052
Phải trả người bán	21.954.955.599	-	21.954.955.599
Chi phí phải trả	-	-	-
Các khoản phải trả khác	13.877.589.245	-	13.877.589.245
	215.831.852.896		215.831.852.896
Ngày 31 tháng 12 năm 2019			
Các khoản vay và nợ	179.994.457.592	-	179.994.457.592
Phải trả người bán	23.018.570.448	-	23.018.570.448
Chi phí phải trả	356.433.702	-	356.433.702
Các khoản phải trả khác	1.571.264.942	-	1.571.264.942
	204.940.726.684		204.940.726.684

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố bất động sản của mình vào các khoản vay (Thuyết minh số 5.8 và 5.9). Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 30/06/2020 và 31/12/2019.

995
TY
HỮU
AN
NAI
SCY

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

iv. Giá trị hợp lý

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2020 VND	31/12/2019 VND	30/06/2020 VND	31/12/2019 VND
Tài sản tài chính				
Phải thu khách hàng – Bên liên quan	11.278.839.364	23.675.822.259	11.278.839.364	23.675.822.259
Phải thu khách hàng – Tổ chức và cá nhân khác	194.747.851.217	149.674.155.979	194.747.851.217	149.674.155.979
Phải thu khác	10.504.305.311	28.692.563.571	10.504.305.311	28.692.563.571
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	420.000.000	420.000.000	420.000.000	420.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	365.357.255	5.150.683.053	365.357.255	5.150.683.053
	217.316.353.147	207.613.224.862	217.316.353.147	207.613.224.862
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	179.999.308.052	179.994.457.592	179.999.308.052	179.994.457.592
Phải trả người bán – Tổ chức và cá nhân khác	21.954.955.599	23.018.570.448	21.954.955.599	23.018.570.448
Chi phí phải trả	-	356.433.702	-	356.433.702
Các khoản phải trả khác	13.877.589.245	1.571.264.942	13.877.589.245	1.571.264.942
	215.831.852.896	204.940.726.684	215.831.852.896	204.940.726.684

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 06 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC**8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

8.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

	06 tháng 2020 VND	06 tháng 2019 VND
Lương và thưởng	100.000.000	99.960.000

8.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Trong kỳ tài chính này có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các công ty có liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 VND
Công ty Cổ phần Thủy Sản Trường Phát	Bán hàng hóa	62.701.456.428	135.610.351.470

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 VND
Ông Võ Đình Hải	Trả tiền-mượn	7.482.770.977	16.059.033.000
	Mượn tiền	7.353.095.280	15.337.000.000

Số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các công ty có liên quan:

Công ty liên quan	Nội dung	30/06/2020 VND	31/12/2019 VND
Công ty Cổ phần Thủy Sản Trường Phát	Phải thu thương mại	11.278.839.364	23.675.822.259
Ông Võ Đình Hải	Phải trả tiền vay	(1.387.589.245)	(1.517.264.942)
	Phải thu cho vay	-	30.600.000.000

8.2 Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Chúng tôi không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là sản xuất, kinh doanh thức ăn cho thủy sản và ở khu vực địa lý duy nhất là tỉnh Đồng Tháp.


8.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.


NGUYỄN NGỌC YẾN
 Người lập biểu


NGUYỄN THỊ KIỀU
 Kế toán trưởng




NGUYỄN THANH HÀ
 Tổng Giám đốc
 Đồng Tháp, ngày 10 tháng 8 năm 2020